

Bản án số: **86/2020/HS-PT**
Ngày 24 - 7 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Quang**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Bá Kha**

Ông **Phạm Sanh Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Quý** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Văn Khanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2020/TLPT-HS ngày 17 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo **Danh G** và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2020/HS-ST ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/ **Danh G**, sinh năm 1995 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Khu phố V, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Danh Ngát** và bà **Thị B**; Vợ **Thị Chành T** và có 02 người con lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2019 (bị cáo có mặt).

2/ **Danh H**, sinh năm 1997 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp L, xã Q, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Danh N** và bà **Huỳnh Thị H**; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2019 (bị cáo có mặt).

3/ **Danh N**; sinh năm 2001 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp L, xã Q, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Khmer;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn L1 và bà Thị Kim L2; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2019 (bị cáo có mặt).

4/ **Danh H1**; sinh năm 1999 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp L, xã Q, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Danh C và bà Thị Kim T1; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2019 cho đến ngày 15/11/2019 bị cáo được cho bảo lãnh tại ngoại cho đến nay (bị cáo có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

1. Bà **Cao Thị Tố Q** - Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang tham gia bào chữa cho bị cáo Danh H1 (có mặt).

2. Luật sư **Nguyễn Phúc D** – Văn phòng Luật sư Nguyễn Thy – HG, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang tham gia bào chữa cho bị cáo Danh N (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Danh P không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 11 tháng 7 năm 2019, Danh G tổ chức uống rượu cùng với Danh H, Danh P và Danh H1 tại nhà của G. Một lúc sau thì có thêm Danh N đến nhà của G chơi. Trong lúc uống rượu thì G và H nảy sinh ý định cướp tài sản của người khác lấy tiền tiêu xài nên cả hai rủ N, P, H1 đi chặn xe người đi đường để cướp tài sản tất cả đồng ý. G lấy một cây dao tự chế của G đưa cho N rồi dùng xe mô tô biển số 68T9-6474 (chủ sở hữu là chị Thị Chành T vợ của G) chở N. Còn H dùng xe mô tô biển số 72T2-7607 của H chở P và H1 đi khu vực cầu Cống giáp ranh giữa huyện G và huyện C đậu xe ở đây mục đích chặn xe để cướp tài sản. Đến khoảng 22 giờ 30 phút, cả nhóm phát hiện anh Ngô Văn T điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode màu đỏ, biển số 68X1-420.90 chở chị Nguyễn Thị X và em Ngô Minh K là vợ và con anh T lưu thông trên quốc lộ 61 theo hướng Giồng Riềng về C chạy qua nhóm của G. Lúc này G điều khiển xe biển số 68T9-6474 chở N cầm dao và P đuổi theo, H cũng điều khiển xe mô tô biển số 72T2-7607 chở H1 đuổi theo nhằm cướp tài sản của anh T. Khi đến đoạn đường quốc lộ 61 thuộc ấp An Khương, xã Minh Hòa, huyện C, tỉnh Kiên Giang thì G điều khiển xe ép xe của anh T vào lề đường, do chủ động nên anh T quay đầu xe lại chạy về hướng Giồng Riềng, G mới nhảy xuống xe dùng tay chụp lấy balo của chị X nhưng không nắm được. Lúc này, H chạy tới cúp đầu xe của anh T nhưng không được do anh T né được. Sau đó, anh T

điều khiển xe đến Công an xã L, huyện G để trình báo. Công an đã tiến hành mời nhóm đối tượng này về trụ sở và thông báo cho Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện C để làm việc với các đối tượng. Qua làm việc, các đối tượng đều đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Sau khi bị bắt Danh G và Danh H còn khai nhận đã thực hiện 01 vụ cướp khác vào ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang, cụ thể:

Vào khoảng 20 giờ ngày 10 tháng 7 năm 2019, Danh G điều khiển xe mô tô biển số 68T9-6474 chở Danh H đi làm từ Tân Hiệp về nhà tại Gò Quao. Khi đến đoạn đường thuộc quốc lộ 61 thuộc ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang thì nhìn thấy chị Đặng Thị L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Click màu đỏ biển số 54P7-6368 một mình đi từ hướng Minh Hòa về Giồng Riềng. Lúc này G nảy sinh ý định cướp tài sản của chị L và rủ H tham gia thì H đồng ý. G điều khiển xe chạy lên cúp đầu xe của chị L làm chị L bị bất ngờ và dừng xe lại, G dùng tay nắm cổ áo chị L rồi nói “mày la lên tao đâm mày” mục đích không cho chị L kêu cứu, rồi G giật lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy J5 Prime màu vàng, trắng và sợi dây chuyền bằng vàng 18K của chị L. Sau đó, G đưa tài sản cướp được của chị L cho H rồi cả hai lên xe bỏ chạy. Sau đó chị L đến Cơ quan công an huyện C trình báo sự việc.

Đến sáng ngày 11 tháng 7 năm 2019, G đưa tài sản cướp được cho vợ là Thị Chành T đi bán, G nói với T là tài sản do mẹ G cho. Sau đó T đem chiếc điện thoại đến tiệm điện thoại di động 179, cầm cho anh Hồ Ngọc S chủ tiệm với giá 1.000.000 đồng và đem bán sợi dây chuyền cho tiệm vàng Huỳnh H2, bán cho chị Hồ Huỳnh H2 chủ tiệm với giá 3.600.000 đồng rồi đem tiền về đưa hết cho G. G chia cho H 1.000.000đ còn lại G tiêu xài cá nhân.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 26 ngày 24 tháng 07 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện C, tỉnh Kiên Giang kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy J5 Prime 16GB màu vàng, trắng trị giá 3.876.600 đồng và 01 sợi dây chuyền kiểu ép máy, có mặt dây chuyền hình chiếc lá bằng vàng 18K, loại vàng 610, trọng lượng 1,8 chỉ có giá 4.596.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 8.463.600 đồng.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo G và Huy có tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên.

Về vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu VIJAFI màu xanh, biển số 68T9-6474.
- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu FERROLI, số loại 110, màu sơn: Xanh đen, biển số 72T2-7607, số máy: 1P52FMH031161, số KH1: CH1UM8XN31161.

- 01 cây dao tự chế dài 53cm, phần lưỡi dao làm bằng kim loại màu trắng chiều dài 40 cm, có mũi nhọn, sắc một bề, phía trên lưỡi dao có đục 07 lỗ hình bầu dục và khắc dòng chữ “OX HEAD”, phần cán dao là bằng gỗ màu đỏ có chiều dài 13 cm.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy J5 Prime 16GB màu vàng, trắng.

- 01 sợi dây chuyền kiểu ép máy, có mặt dây chuyền hình chiếc lá bằng vàng 18K, loại vàng 610, trọng lượng 1,8 chỉ.

Xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Kiên Giang đã trao trả lại tài sản là 01 điện thoại và 01 sợi dây chuyền cho người bị hại Đặng Thị Lắm; 01 xe mô tô nhãn hiệu VIJAFI màu xanh, biển số 68T9-6474 cho chủ sở hữu là Thị Chành Thi.

Đối với các đồ vật là công cụ, phương tiện gây án gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu FERROLI, số loại 110, màu sơn: Xanh đen, biển số 72T2-7607, số máy: 1P52FMH031161, số KH1: CH1UM8XN31161 sẽ đề nghị tịch sung vào Ngân sách Nhà nước.

- 01 cây dao tự chế dài 53cm, phần lưỡi dao làm bằng kim loại màu trắng chiều dài 40 cm, có mũi nhọn, sắc một bề, phía trên lưỡi dao có đục 07 lỗ hình bầu dục và khắc dòng chữ “OX HEAD”, phần cán dao là bằng gỗ màu đỏ có chiều dài 13 cm. Hiện không còn giá trị sử dụng sẽ tịch thu tiêu hủy.

*** Tại bản án sơ thẩm số: 18/2020/HSST ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo các Danh G, Danh H, Danh N, Danh H1 phạm tội: “Cướp tài sản”.

1/ Xử phạt bị cáo **Danh G - 07** (bảy) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 12/7/2019.

2/ Xử phạt bị cáo **Danh H - 07** (bảy) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 12/7/2019.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

3/ Xử phạt bị cáo **Danh N - 03** (ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 12/7/2019.

4/ Xử phạt bị cáo **Danh H1 - 03** (ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 12/7/2019 cho đến ngày 15/11/2019.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên xử phạt bị cáo Danh P 03 năm tù; tuyên về phân trách nhiệm dân sự, án phí, xử lý vật chứng và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14 tháng 5 năm 2020 các bị cáo Danh G, Danh H và Danh N có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Ngày 22/5/2020 bị cáo Danh H1 có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo, với lý do: bị cáo thành khẩn khai báo, là người dân tộc thiểu số, phạm tội chưa đạt và nhất thời phạm tội.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, 04 bị cáo đều thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xử các bị cáo về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự là đúng tội của các bị cáo và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Riêng bị cáo Danh N xin thay đổi kháng cáo là xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Bị cáo G và Huy có ý kiến: Số tiền 5.100.000 đồng nộp tại Cơ quan thi hành án là tiền hai bị cáo nộp chung để khắc phục thiệt hại cho ông Hồ Ngọc S và bà Hồ Huỳnh H2

* *Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ quyền công tố phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:* Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự, xử phạt 04 bị cáo về tội “*Cướp tài sản*” là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng, cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tăng nặng trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo G, H mỗi bị cáo 7 năm tù đầu khung hình phạt là có căn cứ, tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Danh G và H đã nộp khắc phục số tiền 5.100.000 tại Cơ quan thi hành án để khắc phục cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Ngọc S và bà Hồ Huỳnh H2 nên đây là tình tiết mới, do đó chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo G, H, giảm nhẹ một phần hình phạt cho hai bị cáo. Đối với hai bị cáo Danh N và Danh H1 cấp sơ thẩm xử phạt mỗi bị cáo 03 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, đã có xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt 02 bị cáo với mức án nêu trên là đã có chiều cố giảm nhẹ cho 02 bị cáo, Riêng bị cáo N, sau khi xét xử sơ thẩm bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tuy nhiên xét thấy mức án mà cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là không nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, nhận thấy kháng cáo của 02 bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Danh N, Danh H1; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Danh G và Danh H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo Danh G xuống còn 06 năm 06 tháng tù và giảm hình phạt cho bị cáo Danh H xuống còn 06 năm tù.

Luật sư phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Danh N: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo N về tội Cướp tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình

sự là đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Danh N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Bị cáo N có tình tiết mới là bị hại bà Nguyễn Thị X có làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối chiếu Nghị quyết 02/2018/HĐTP-TANDTC ngày 15/5/2018 thì bị cáo N thỏa mãn điều kiện để hưởng án treo như có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị phạt tù không quá 3 năm, có hai tình tiết giảm nhẹ...Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, cho bị cáo được hưởng án treo.

Trợ giúp viên pháp lý phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Danh H1: Đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo H1 như: Bị cáo phạm tội lần đầu, là đồng phạm giúp sức thứ yếu, hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện bị cáo sống chung với bà nội, thường ngày bị cáo bắt ốc, trông em để bà nội làm việc, bị rủ rê, nhất thời phạm tội, hiện bị cáo bị bệnh tim, người dân tộc thiểu số trình độ học vấn thấp. Đồng thời, bị cáo thỏa mãn các điều kiện để hưởng án treo theo Nghị quyết 02/2018/HĐTP-TANDTC ngày 15/5/2018 nên đề nghị HĐXX cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm: Vào khoảng 20 giờ ngày 11/7/2019, Danh G cùng với Danh H, Danh P, Danh N và Danh H1 tổ chức uống rượu tại nhà của G. Trong lúc uống rượu G và H rủ cả nhóm đi chặn xe người đi đường để cướp tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì tất cả đồng ý. Sau khi bàn bạc xong, G mang theo 01 cây dao tự chế đưa cho N rồi tất cả điều khiển xe mô tô xuất phát đi từ huyện G đi về huyện C. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày cả nhóm phát hiện anh Ngô Văn T điều khiển xe nhãn hiệu Honda SH Mode màu đỏ, biển số 68X1-420.90 chở phía sau chị Nguyễn Thị X và em Ngô Minh K đang lưu thông về hướng huyện C nên cả nhóm điều khiển xe rượt đuổi theo đến ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang thì đuổi kịp theo xe anh T. G liền điều khiển cho xe ép vào xe của anh T nhưng anh T kịp thời quay đầu xe lại chạy về hướng Giồng Riềng, G liền nhảy xuống xe dùng tay chụp lấy balo của chị X nhưng không được. Cùng lúc này H điều khiển xe chạy tới cúp đầu xe của anh T nhưng anh T né được và điều khiển xe đến Công an xã L, huyện G để trình báo sự việc.

Ngoài ra, G và H còn khai nhận vào khoảng 20 giờ, ngày 10/7/2020 cả 02 còn thực hiện hành vi cướp lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy J5 Prime màu vàng, trắng và sợi dây chuyền bằng vàng 18K của chị Đặng Thị L. Tổng tài sản mà 02 bị cáo cướp đoạt có giá trị theo định giá là 8.463.600 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Danh G, Danh H, Danh N và Danh H1 về tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo:

Các bị cáo là những thanh niên còn trẻ, đang trong tuổi lao động, có sức khỏe, đúng ra bị cáo phải biết kiếm cho mình một công việc phù hợp, từ đó cố gắng lao động thật tốt để kiếm được những đồng tiền chân chính, lương thiện để tự lo bản thân và giúp ích gia đình...Trái lại, các bị cáo lại là những đối tượng lười biếng lao động, cộng với bản tính tham lam, thích hưởng thụ mà không phải lao động nên các bị cáo nghĩ ra cách kiếm tiền nhanh chóng bằng hành vi “*Cướp tài sản*” của người khác. Từ đó, sau khi tổ chức ăn nhậu xong rồi cùng nhau đi ra đường chặn xe của những người bị hại rồi dùng vũ lực và hung khí đe dọa không chế để cướp tài sản của họ, khi có tiền cùng chia nhau tiêu xài thỏa thích mà không nghĩ đến hành vi đã gây nên. Hành vi phạm tội của các bị cáo rất táo bạo, liều lĩnh mang tính nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây cảm phần bất bình và tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng: Đối với hai bị cáo G và H là người khởi xướng, rủ rê ba bị cáo còn lại đi chặn xe cướp tài sản của người bị hại, là người giữ vai trò chính trong vụ án và 02 bị cáo phạm tội hai lần trở lên, bị áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của 02 bị cáo và xử phạt hai bị cáo mức án đầu khung hình phạt 07 năm tù là đã phù hợp và tương xứng hành vi phạm tội của hai bị cáo. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm hai bị cáo đã tự nguyện nộp khắc phục số tiền 5.100.000 đồng tại Cơ quan thi hành án để bồi thường lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Ngọc S và bà Hồ Huỳnh H, nên đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, do đó chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho hai bị cáo cũng đủ nghiêm.

Đối với 02 bị cáo Danh N, Danh H1 khi được hai bị cáo G và H rủ đi cướp tài sản thì đồng ý tham gia, 02 bị cáo là đồng phạm giúp sức cho bị cáo G và H thực hiện hành vi phạm tội. Cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt 02

bị cáo N và H1 mức án 03 năm tù dưới khung hình phạt là đã có xem xét chiều cố giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo nhiều. Riêng bị cáo N, sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại Nguyễn Thị X có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Danh N, tuy nhiên HĐXX xét thấy mức án mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo N 03 năm tù là đã có phần hơi nhẹ so với hành vi phạm tội của bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo. Tại phiên tòa, hai bị cáo N và H1 xin hưởng án treo, tuy nhiên xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo không có khả năng tự cải tạo, giáo dục bản thân mà xét thấy cần thiết phải cách ly hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục hai bị cáo, nên không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của hai bị cáo N và H1.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Danh N, Danh H1; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Danh G và Danh H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo Danh G xuống còn 06 năm 06 tháng tù và giảm hình phạt cho bị cáo Danh H xuống còn 06 năm tù. Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[5] Về quan điểm của người bào chữa và trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho hai bị cáo Danh N, Danh H1 đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo Danh N và Danh H1, cho hai bị cáo hưởng án treo. Xét thấy, đề nghị này của vị Luật sư cũng như Trợ giúp viên pháp lý là không phù hợp như HĐXX đã nhận định trên nên không chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Danh G, Danh H kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các bị cáo Danh N, Danh H1 kháng cáo không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bị cáo Danh H1 thuộc hộ cận nghèo nên được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, do đó bị cáo Danh H1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Danh G và Danh H.
- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Danh N và Danh H1.
- Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2020/HSST ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

1/ Xử phạt: Bị cáo **Danh G - 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù** về tội “Cướp tài sản”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 12/7/2019.

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

2/ Xử phạt: Bị cáo **Danh H - 06 (Sáu) năm tù** về tội “Cướp tài sản”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 12/7/2019.

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

3/ Xử phạt: Bị cáo **Danh N - 03 (ba) năm tù** về tội “Cướp tài sản”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 12/7/2019.

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

4/ Xử phạt: Bị cáo **Danh H1 - 03 (ba) năm tù** về tội “Cướp tài sản”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2019 cho đến ngày 15/11/2019.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Danh G, Danh H, Danh H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Danh N phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án số 18/2020/HS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (4);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

Nguyễn Thành Quang